

**SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: /BVUBĐN-BMT
V/v Mời báo giá Thực phẩm dinh dưỡng
phục vụ bệnh nhân tại Bệnh viện Ung
bướu Đà Nẵng năm 2025

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Quý công ty

Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng đang có kế hoạch thực hiện Mua sắm Gói thầu Thực phẩm dinh dưỡng phục vụ bệnh nhân tại Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng năm 2025. Để có căn cứ lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng kính mời Quý công ty quan tâm gửi thông tin báo giá của các hàng hóa cụ thể như sau:

1. Danh mục hàng hóa: Cụ thể theo *phụ lục 01* đính kèm.
2. Thời gian nhận báo giá: Bắt đầu kể từ ngày **02/4/2025** đến **10 giờ 00 phút ngày 14/04/2025**. Hết thời hạn nêu trên tất cả các thư báo giá gửi đến Bệnh viện không có hiệu lực.
3. Các công ty điền đầy đủ thông tin theo *Biểu mẫu báo giá* (phụ lục 02) đính kèm.
4. Địa điểm nhận báo giá: Khoa Dinh dưỡng, Tiết chế, Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng, Đường Hoàng Thị Loan, Tổ 28, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, số điện thoại liên hệ: 0236.3.717.106.
5. Hồ sơ báo giá phải cung cấp tối thiểu các nội dung chính như sau:
 - Bảng báo giá dịch vụ.
 - Bảng báo giá (bản giấy) phải được đại diện của nhà thầu ký tên và đóng dấu; ghi rõ ngày/ tháng/ năm báo giá (đóng dấu giáp lai nếu có nhiều tờ), Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 90 ngày kể từ ngày báo giá.
 - Giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có), bảo hành và các chi phí liên quan khác (nếu có).
 - Các hồ sơ liên quan khác (nếu có).
- * Lưu ý: Các đơn vị tham gia báo giá phải đảm bảo tính độc lập, không có mối liên hệ với nhau và chịu trách nhiệm về tính pháp lý các thông tin và tài liệu cung cấp cho Bệnh viện kèm theo bảng báo giá.
6. Hồ sơ báo giá phải được bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung: “Báo giá Thực phẩm dinh dưỡng”.
7. Thư báo giá của các nhà thầu sẽ là căn cứ để bên mời thầu thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT để đăng Website;
- Lưu VT, BMT, DDTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hùng

PHỤ LỤC 1. DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT
(Đính kèm Công văn số /BVUBĐN-BMT ngày tháng năm 2025)

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
1	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng nước, năng lượng cao, đậm cao, có chứa EPA	Chai/hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 135 kcal - Protein: $\geq 9,0$ g - Lipid: $\geq 6,0$ g - Carbohydrate: ≥ 11 g - EPA (Eicosapentaenoic Acid): $\geq 0,4$ g - Chất xơ: $\geq 1,3$ g - Chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Chai/Hộp 200 - 240ml	13.140	3.942	
2	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng cao, đậm cao, có chứa EPA	Lon/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột: - Năng lượng: ≥ 400 kcal - Protein: ≥ 20 g - Lipid: ≥ 8 g - Carbohydrate: ≥ 55 g - EPA (Eicosapentaenoic Acid): $\geq 1,0$ g - Chất xơ: $\geq 5,0$ g - Chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon/Hộp 380 - 400g	3.270	981	
3	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng nước, chỉ số GI thấp	Chai/hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 85 kcal - Protein: $\geq 4,0$ g	1.910	573	

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
			- Lipid: $\geq 3,5$ g - Carbohydrate: $\geq 9,5$g - Chất xơ: $\geq 2,0$g - GI (Glycemic Index - chỉ số đường huyết): ≤ 54 - Chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Chai/Hộp 200 - 220ml			
4	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, chỉ số GI thấp	Lon/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học. *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột: - Năng lượng : ≥ 380kcal - Protein: $\geq 18,0$g - Lipid: $\geq 16,0$g - Carbohydrate: $\leq 55,0$g - Chất xơ: $\geq 6,0$g - GI (Glycemic Index - chỉ số đường huyết): ≤ 54 - Có các Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon/Hộp 380 - 400g	290	87	
5	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng cao, đậm cao, đậm whey, bổ sung miễn dịch	Gói/hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột: - Năng lượng: ≥ 400kcal - Protein: $\geq 20,0$g - Đạm whey (Whey protein): $\geq 95\%$ - Lipid: ≥ 13g - Carbohydrate: ≥ 45g - Chất xơ: $\geq 2,0$g - Arginine: $\geq 5,0$g - Nucleotides: ≥ 450mg	7.534	2.260	

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
			- Omega-3: $\geq 1,0g$ - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: gói/hộp 50 - 100g			
6	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng chuẩn, đậm cao, bổ sung miễn dịch, chỉ số GI thấp	Lon/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột: - Năng lượng: $\geq 380kcal$ - Protein: $\geq 20,0g$ - Lipid: $\geq 11,0g$ - Carbohydrate: $\geq 50,0g$ - Glutamine: $\geq 2,5g$ - Arginine: $\geq 5,0g$ - Omega-3: $\geq 5,5g$ - GI (Glycemic Index - chỉ số đường huyết): ≤ 54 - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon/Hộp 380-400g	652	195	
7	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng chuẩn, đậm whey thủy phân, béo MCT	Lon/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột: - Năng lượng: $\geq 380kcal$ - Protein: $\geq 18,0g$ - Đạm whey (Whey protein) thủy phân: $\geq 95\%$ tổng lượng đạm (Protein) - Lipid: $\geq 13,0g$ - MCT (Medium-Chain Triglycerides - chất béo chuỗi trung bình): $\geq 70\%$ tổng lượng chất béo (Lipid) - Carbohydrate: $\geq 50,0g$ - Áp suất thẩm thấu: $\leq 400 \text{ mOsm/L}$ (hoặc kg)	390	117	

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
			- Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon/Hộp 380 - 400g			
8	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng nước, năng lượng cao, đậm cao, có chứa HMB	Chai/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 135 kcal - Protein: $\geq 9,0$ g - Lipid: $\geq 4,5$ g - Carbohydrate: $\geq 15,0$ g - HMB (Beta - hydroxybeta - methylbutyrate): $\geq 0,5$ g - Chất xơ: ≥ 0.7 g - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể. *) Quy cách: chai/hộp 200-220ml	4.930	1.479	
9	Thực phẩm dinh dưỡng dạng nước, năng lượng cao, có bổ sung lợi khuẩn	Chai/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: ≥ 135 kcal - Protein: $\geq 5,0$ g - Lipid: $\geq 3,5$ g - Carbohydrate: $\geq 19,0$ g - Chứa lợi khuẩn: $\geq 10,0$ tỷ - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Chai/hộp: 180ml-200ml	4.864	1.459	
10	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng cao, đậm cao, bổ sung chất xơ	Lon/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột: - Năng lượng: ≥ 400 kcal - Protein: $\geq 20,0$ g - Lipid: $\geq 13,0$ g	1.304	391	

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
			- Carbohydrate: $\geq 50,0g$ - Chất xơ: $\geq 3,0g$ - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon 300 - 350g			
11	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng nước, năng lượng cao, đậm cao, giàu béo omega 3, bổ sung chất xơ	Chai/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: $\geq 135kcal$ - Protein: $\geq 9,0g$ - Lipid: $\geq 5,0g$ - Carbohydrate: $\geq 13,0g$ - Omega 3: $\geq 0,4g$ - Chất xơ: $\geq 1,5g$ - Vitamin và Khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: chai/hộp 200 - 240ml	12.410	3.723	
12	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng nước, năng lượng rất cao, đậm cao, không Lactose	Chai/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: $\geq 190kcal$ - Protein: $\geq 9,0g$ - Lipid: $\geq 6,0g$ - Carbohydrate: $\geq 20,0g$ - Không có Lactose - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: chai/hộp 200 - 240ml	2.880	864	
13	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng nước, năng lượng rất cao, đậm rất	Chai/hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: $\geq 190kcal$	7.480	2.244	

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
	cao, không có chất xơ, thể tích nhỏ		- Protein: $\geq 14,0g$ - Lipid: $\geq 9,0g$ - Carbohydrate: $\geq 20,0g$ - Không chứa chất xơ - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: chai/hộp 100 - 150ml			
14	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng chuẩn, có HMB	Lon/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột: - Năng lượng: $\geq 380kcal$ - Protein: $\geq 15,0g$ - Lipid: $\geq 13,0g$ - Carbohydrate: $\geq 50,0g$ - Chất xơ: $\geq 3g$ - CaHMB (Beta – hydroxy beta – methylbutyrate) $\geq 0,3g$ - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon/Hộp 380 - 400g	3.510	1.053	
15	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng nước năng lượng chuẩn, có HMB	Chai/hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: $\geq 100kcal$ - Protein: $\geq 4,0g$ - Lipid: $\geq 3,5g$ - Carbohydrat: $\geq 12,0g$ - Chất xơ: $\geq 1g$ - CaHMB (Beta – hydroxy beta – methylbutyrate) $\geq 0,2g$ - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Chai/hộp 200 - 240ml	1.504	451	

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
16	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng cao, có đậm phân nhánh (BCAA)	Lon/ Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột: - Năng lượng: $\geq 400\text{kcal}$ - Protein: $\geq 15,0\text{g}$ - Lipid: $\geq 9,0\text{g}$ - Carbohydrate: $\geq 55,0\text{g}$ - Valin: $\geq 0,5\text{g}$ - Leucin: $\geq 1\text{g}$ - Isoleucin: $\geq 0,5\text{g}$ - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon/Hộp 380 - 400g	1.180	354	
17	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng chuẩn, đậm cao, giàu đậm phân nhánh (BCAA)	Gói	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g : - Năng lượng: $\geq 380\text{ kcal}$ - Protein: $\geq 20,0\text{g}$ - Lipid: $\geq 6,0\text{g}$ - Carbohydrate: $\geq 60,0\text{g}$ - Valin: $\geq 3\text{g}$ - Leucin: $\geq 3,8\text{ g}$ - Isoleucin: $\geq 3,3\text{g}$ - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Gói 50-100g	300	90	
18	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng chuẩn, giảm đậm, hạn chế Kali	Lon/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g bột: - Năng lượng: $\geq 380\text{kcal}$ - Protein: $\leq 12\text{g}$	124	37	

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
			- Lipid: $\geq 13,0g$ - Carbohydrate: $\geq 50,0g$ - Kali (Potassium): $\leq 300mg$ - Có chứa Vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon/Hộp: 380 - 400g			
19	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, tăng cường Iot, giàu canxi	Lon/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g : - Năng lượng: $\geq 320kcal$ - Protein: $\geq 11g$ - Lipid: $\geq 6g$ - Carbohydrate: $\geq 55g$ - Iot: $\geq 120mcg$ - Canxi: $\geq 700mg$ - Có chứa vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon/Hộp 380 - 400g	280	84	
20	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, năng lượng chuẩn, hạn chế iot	Lon/Hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g : - Năng lượng: $\geq 380kcal$ - Protein: $\geq 11,0g$ - Lipid: $\geq 13,0g$ - Carbohydrate: $\geq 50,0g$ - Iot: $\leq 35mcg$ - Canxi: $\geq 850mg$ - Vitamin D3: $\geq 400UI$ - Có chứa vitamin và khoáng chất cần thiết cho cơ thể *) Quy cách: Lon/Hộp 380 - 400g	280	84	

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
21	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng bột, tăng cường miễn dịch, bổ sung Arginin, Glutamin, Leucin	gói	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100g: - Năng lượng: $\geq 270\text{kcal}$ - Protein: $\geq 50,0\text{g}$ - L-Arginin: $\geq 18\text{g}$ - L-Glutamin: $\geq 18\text{g}$ - L-Leucin: $\geq 8\text{g}$ - Kẽm: $\geq 15\text{mg}$ *) Quy cách: Gói 15 - 25g	2.204	661	
22	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng nước, bổ sung đậm tinh khiết	Gói	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: $\geq 180\text{kcal}$ - Protein: $\geq 45\text{g}$ - Thành phần: Đạm Whey phân lập + Collagen bò thủy phân *) Quy cách: Gói 30 - 50ml	2.675	802	
23	Thực phẩm dinh dưỡng y học dạng nước, cung cấp đường Maltodextrin	Chai/hộp	*) Thực phẩm dinh dưỡng y học *) Tiêu chuẩn kỹ thuật trong 100ml: - Năng lượng: $\geq 40\text{kcal}$ - Carbohydrate: $\geq 10\text{g}$ - Maltodextrin: $\geq 70\%$ tổng lượng Carbohydrate *) Quy cách: chai/hộp 200 - 220ml	3.650	1.095	
24	Bột cô đặc thực phẩm	Gói	*) Tiêu chuẩn kỹ thuật trên 100g: - Năng lượng: $\geq 240\text{kcal}$ - Carbohydrate: $\geq 60\text{g}$ - Thành phần: Dextrin, Xanthan gum	1.095	328	

stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đặc tính cơ bản của hàng hóa (hoặc tương đương*)	Số lượng mua sắm đề nghị	Số lượng tùy chọn mua thêm	Ghi chú
			*) Quy cách: gói 3 - 5g			
25	Muối không Iot	Lọ	*) Thành phần: Muối tinh khiết NaCl - Muối NaCl $\geq 99\%$ - Không chứa I ốt *) Quy cách: Tối thiểu lọ 100g	1.700	510	
TỔNG CỘNG: 25 mục						

***) Hoặc tương đương:** Nhà cung ứng có thể lựa chọn chào giá hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, nhãn hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu về quy cách đóng gói, tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “ưu việt” hơn so với yêu cầu cơ bản, đồng thời phải phù hợp với trang thiết bị hiện có và khả năng sử dụng của đơn vị sử dụng. Tương đương được hiểu về chất liệu, tiêu chuẩn công nghệ, tính năng sử dụng (tùy theo chi tiết cụ thể trong cấu hình).

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ
(Đính kèm Công văn số /BVUBĐN-BMT ngày tháng năm 2025)

Tên công ty:.....
Địa chỉ/văn phòng đại diện/trụ sở chính:.....
Số điện thoại:.....
Email:.....
Mã số thuế:.....

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Ung bướu Đà Nẵng

Theo công văn mời chào giá số /BVUBĐN-BMT ngày tháng năm 2025, Công ty chúng tôi báo giá các hàng hóa như sau:

Stt	TT trong danh mục mời chào giá ¹	Tên hàng hóa ²	Tên thương mại	Đặc tính của hàng hóa	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Xuất xứ	Số lượng cung cấp	Số lượng tùy chọn mua thêm	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú

¹ Số thứ tự tại cột “STT” theo danh mục báo giá tại Phụ lục 1

² Tên hàng hóa tại cột “Tên hàng hóa” theo danh mục báo giá tại Phụ lục 1

....., Ngày tháng năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP THEO PHÁP LUẬT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)